

Số: 197/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 08 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Tăng B, sinh năm 1990
2. Ông Hồ N, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Số K, LVL, Tổ 2, KP 2, phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Tăng B và ông Hồ N tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2015, quyển số 01/2015 ngày 04/02/2015 do Ủy ban nhân dân phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Hiện nay, bà Tăng B và ông Hồ N xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà B và ông N cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Tăng B và ông Hồ N xác nhận có 01 (một) con chung là Hồ L (nam), sinh ngày 15/11/2017.

Bà Tăng B và ông Hồ N thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Tăng B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông N cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng, hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu thi hành án.

[3] Về tài sản chung: Bà Tăng B và ông Hồ N xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Bà Tăng B và ông Hồ N xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Tăng B và ông Hồ N chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng B và ông Hồ N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2015, quyển số 01/2015 ngày 04/02/2015 do Ủy ban nhân dân phường TH, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Tăng B và ông Hồ N xác nhận có 01 (một) con chung là Hồ Hữu Lượng (nam), sinh ngày 15/11/2017.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông Hồ N đồng ý để bà Tăng B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trẻ Hồ L (nam), sinh ngày 15/11/2017. Ông Hồ N cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng, hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu thi hành án.

Ông Hồ N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nghi.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Tăng B và ông Hồ N cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0042333 ngày 22/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B và ông N đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy